

TRỞ LẠI VẤN ĐỀ THÀNH PHẦN DÂN TỘC CỦA HAI NHÓM CAO LAN VÀ SÁN CHÍ

KHỔNG DIỄN

Dựa trên kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, ngày 22.12.1978 Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) cùng Ủy ban Dân tộc Trung - ương (nay là Ủy ban dân tộc) đã có tờ trình lên Thủ tướng chính phủ về thành phần các dân tộc ở nước ta.

Ngày 2.3.1979 được sự uỷ nhiệm của Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ra quyết định số 121-TCTK/PPCĐ chính thức ban hành *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*, gồm 54 dân tộc. Đây là đóng góp có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn của ngành Dân tộc học nói riêng, của khoa học xã hội nước ta nói chung. Từ đó đến nay thành phần cũng như tên gọi các dân tộc trong bảng danh mục này được sử dụng chính thức tại các văn bản của Nhà nước, đặc biệt là trong ba cuộc Tổng điều tra dân số toàn quốc ở các năm 1979, 1989 và 1999.

Tuy nhiên, thành phần dân tộc là một sản phẩm của lịch sử, một khi thực tế đòi hỏi cần được kiểm định lại thì chúng ta vẫn phải tiếp tục xem xét, tiếp tục điều tra, nghiên cứu để làm rõ những trường hợp còn có những ý kiến khác nhau mà Sán Chay (Cao Lan - Sán Chí) là một trong những trường hợp đó.

Do đó đây chúng tôi xin trình bày khái quát những nghiên cứu và những vấn đề đặt ra về hai nhóm Cao Lan và Sán Chí trong thành phần dân tộc Sán Chay để các đại biểu trao đổi, thảo luận.

Cho đến đầu những năm 70 của thế kỷ trước, Cao Lan và Sán Chí (hay Sán Chỉ) vẫn được coi là hai dân tộc riêng biệt. Điều đó còn được thể hiện trong danh mục các dân tộc qua hai cuộc Tổng điều tra dân số ở miền Bắc năm 1960, năm 1974 và cuộc Tổng điều tra dân số ở miền Nam năm 1976.

1. Về quá trình tộc ngữ học và lịch sử nghiên cứu.

Cho đến nay các tài liệu sớm nhất viết về hai nhóm ngữ học này ở nước ta có lẽ là cuốn "Kiến văn tiểu lục" của Lê Quý Đôn(1), trong cuốn sách đó, ông coi Cao Lan và Sơn Tử là hai trong 7 chủng tộc Mán. Trong sách "Đại Nam nhất thống chí"(2) cũng nói đến hai nhóm Cao Lan và Sơn Tử, và được coi như những nhóm Mán khác. Trong cuốn "Phong thổ ký" viết về Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Quảng Yên, Thái Nguyên cũng coi Cao Lan là Mán như các nhóm Mán khác(3).

Các tác giả ngữ học Pháp như A. Bonifacy(4), L. Tharaud(5) cũng xếp Cao Lan vào các nhóm Mán và coi Cao Lan như một ngành của Mán gọi là Mán Cao Lan. Theo tài liệu điền dã của họ thì tổ tiên của ngữ học Cao Lan là ở vùng Tây Bắc Sơn, Quảng Đông, Trung Quốc, từ thời Minh di đến Quảng Tây, từ Nam Ninh vào Việt Nam. Cũng theo A. Bonifacy, sử dĩ Cao Lan là ngữ học Mán lại nói tiếng Tày là do họ quen tiếng nói của mình và mượn tiếng của dân tộc láng giềng.

Vào những năm 50 đến đầu 70 của thế kỷ tr- ớc, một số học giả Việt Nam nh- Bùi Đình(6), Nguyễn Trác Dĩ(7)... vẫn dựa vào những ghi chép trên mà cho rằng Cao Lan cũng là Mán nh- các nhóm Mán khác. Gần với các quan điểm của các tác giả trên đây, còn có nhà nghiên cứu dân tộc học Lã Văn Lô, Lê Văn(8), tuy không cho rằng Cao Lan hiện tại thuộc các nhóm Mán, nh- ng theo ông, có thể tr- ớc kia họ có cùng nguồn gốc nay đã phân hoá thành dân tộc riêng.

Theo ông, ng- ời Cao Lan vốn có nguồn gốc Mán, nh- ng do sống lâu đời xen kẽ với khối Tày - Nùng, đã tiếp thu ngôn ngữ, tập quán sinh hoạt và sản xuất của ng- ời Tày - Nùng, quên hẳn tiếng mẹ đẻ, chỉ còn giữ lại một số tín ng- ỡng, tập tục cũ chung với ng- ời Mán. Ng- ời Cao Lan vốn nguồn gốc ở Trung Quốc nên đã tiếp thu thêm những yếu tố văn hoá Hán, thể hiện rõ nhất trong việc m- ợn chữ Hán và thổ ngữ Quảng Đông làm ngôn ngữ văn học. Từ khi di c- vào Việt Nam, ng- ời Cao Lan vẫn tiếp thu các yếu tố văn hoá Tày - Nùng, cộng thêm những yếu tố văn hoá ng- ời Việt, làm cho Cao Lan ngày càng giống khối Tày - Nùng, gần với ng- ời Việt và xa dần cộng đồng gốc của mình. Về nhà ở và trang phục, ông viết "Ng- ời Cao Lan ở nhà sàn nh- ng- ời Tày Nùng, khác với phần lớn các ngành Mán, ở nhà nửa sàn nửa đất hay nhà đất, nh- ng bố trí bên trong nhà Cao Lan vẫn t- ơng tự nh- nhà ng- ời Mán". "Phụ nữ Cao Lan ăn mặc theo kiểu ng- ời Tày, nh- ng vẫn giữ một số đặc điểm của phục sức phụ nữ Mán, những đặc điểm đó ngày càng mất dần đi. Còn nam giới thì ăn mặc hoàn toàn nh- ng- ời Việt với chiếc quần dài và chiếc áo cánh nâu".

Khác với các quan điểm cho Cao Lan thuộc các nhóm Mán hoặc có nguồn gốc Mán, một số nhà nghiên cứu, nhất là từ sau thập niên 60 của thế kỷ tr- ớc trở lại đây, cho rằng Cao Lan hoặc cả Cao Lan - Sán Chí (Sán Chay) là một tộc ng- ời riêng biệt. Chu Quang Trứ(9), trong bài viết của mình, ông đã đề cập đến rất nhiều vấn đề, chẳng hạn về nhà ở, ông viết "Nhà của ng- ời Cao Lan là nhà sàn giống nh- nhà của ng- ời Tày và Nùng... Kiến trúc nhà sàn của ng- ời Cao Lan so với kiến trúc nhà đất của ng- ời Mán khác nhau rất nhiều". Hoặc khi viết về trang phục, ông cho rằng ở ng- ời Mán "dù phục sức thế nào thì nói chung vẫn rất phức tạp, đeo nhiều vòng bạc, quần áo đ- ọc thêu hoặc nhuộm hoa văn với nhiều chi tiết phiền phức. Phụ nữ Cao Lan ăn vận giản tiện hơn ng- ời Mán, và t- ơng tự ng- ời Tày, ng- ời Nùng với chiếc váy ngắn đến bụng chân, áo vải chàm thêu hoặc nâu non hay áo tứ thân trên nâu d- ới chàm, tay chèn và rộng ngang mặc không cài khuy".

So sánh giữa Cao Lan với Mán trong một số lĩnh vực, ông đã khẳng định: "Không cần phải bàn luận thêm nữa, chúng ta có thể thống nhất với nhau rằng, ng- ời Cao Lan ngày nay không phải là một ngành của ng- ời Mán, mà là một tộc ng- ời khác hẳn dân tộc Mán". Ông còn cho rằng, những ng- ời Cao Lan ở xã Kim Thắng, huyện Yên Sơn, Tuyên Quang cho biết họ có tên chữ là Cao Lan và tên nôm là Sán Chấy. Sau khi đ- a ra 4 tiêu chí xác định dân tộc (tiếng nói, văn hoá, ý thức tự giác, lãnh thổ) ông kết luận: "ng- ời Cao Lan ngày nay không những là một cộng đồng riêng, có lịch sử phát triển riêng với các đặc điểm dân tộc của mình khác hẳn với cộng đồng Mán mà từ những ngày xa x- a ng- ời Cao Lan cũng không có quan hệ

máu mủ tổ tiên gì với ng-òì Mán... Họ vẫn giữ đ-ợc những yếu tố văn hoá chính vốn có từ đầu và nền văn học dân tộc của mình, nh- ng trong quá trình sống gần gũi những ng-òì thuộc cộng đồng xung quanh, họ đã tiếp thu thêm một số yếu tố văn hoá Tày - Nùng, văn hoá Mán và văn hoá Việt".

Trong một số tr-ờng hợp, khi viết về nguồn gốc ng-òì Cao Lan, một số tác giả cũng đề cập đến ng-òì Sán Chí hay Sán Cháy. Do vậy các công trình chuyên về nhóm Sán Chí trong các th- tịch có đ-ợc cho đến nay không nhiều. Khoảng trên d-ới 40 năm trở lại đây có một số công trình nghiên cứu cho rằng Cao Lan, Sán Chí là một dân tộc. Trong số đó có nhà dân tộc học Đặng Nghiêm Vạn(10), ông viết: Dân tộc Cao Lan - Sán Chí chỉ là một. Nhóm Cao Lan sang Việt Nam sớm hơn, nay nói thứ tiếng thuộc ngôn ngữ Tày - Thái. Nh- ng họ lại ca hát bằng tiếng Sán Chí, là một thứ tiếng thổ ngữ Hán Ph-ơng Nam. Văn hoá hiện nay của hai nhóm này rất gần ngành Tày. Ng-òì Cao Lan tự gọi mình là Hồn Chùng (tên gọi của bộ phận ng-òì Choang ở Quảng Tây thuộc ngôn ngữ Tày - Thái). Tr-ớc khi sang Việt Nam, họ ở vùng Quế Châu, Khâm Châu và D-ơng Châu, tức địa bàn c- trú của ng-òì Choang và ng-òì Mán. Ng-òì Sán Chí cũng vậy, Sán Chí tức Sơn Tử, tất không phải là tên tự gọi. Cao Lan và Sán Chí sang Việt Nam sau các dân tộc khác, không có ruộng, phải du canh du c- làm n-ơng. Vì ở gần ng-òì Mán nên họ chịu ít nhiều ảnh h-ởng của văn hoá Mán. Dựa vào tiếng nói hiện nay, vào sự quan hệ giữa hai nhóm Cao Lan và Sán Chí, dựa vào yếu tố văn hoá khá đậm nét ở hai dân tộc này, xếp họ vào ngôn ngữ Tày-Thái. Cần chú ý, nhóm Sán Chí ở Bảo Lạc

Cao Bằng chỉ ng-òì Mán Làn Tẻn, không thuộc nhóm Sán Chí này.

Ở một công trình khác là "Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang"(11) khi viết về dân tộc Cao Lan, các tác giả đã cho rằng: Ng-òì Cao Lan tự gọi mình là Sán Cháy, viết và đọc theo Hán - Việt là Sơn Tử (cũng có nghĩa là ng-òì ở rừng). Về xa x- a có thể có chung một nguồn gốc, một dân tộc vì không những tên gọi, ca hát giống nhau mà các họ, phong tục tập quán nói chung cũng giống nhau. Nh- ng tách ra thành hai dân tộc từ bao giờ có phải là một bộ phận tách ra chịu ảnh h-ởng tiếng nói Tày - Nùng mà sau này gọi là Cao Lan hay bộ phận kia tách ra chịu ảnh h-ởng tiếng Hán, sau này gọi là Sán Chí hay không, điều đó cần đ-ợc nghiên cứu sâu hơn nữa. Phần viết về ng-òì Sán Chí sau đó, các tác giả trong cuốn sách trên cho rằng: Sán Chí ở Tuyên Quang là từ Bắc Thái sang đ-ợc gần 100 năm nay. Ng-òì Sán Chí tự gọi mình là Sán Cháy, đọc theo âm Hán - Việt là Sơn Tử.. . Theo sách cúng ma và theo kể lại của ng-òì dân thì quê quán cũ của đồng bào là ở Bạch Vân Sơn, huyện Hợp Châu, phủ Khâm Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Đề cập khá toàn diện về ng-òì Sán Chay (hay Cao Lan - Sán Chí) với t- cách là một dân tộc, từ nguồn gốc lịch sử, quá trình di chuyển c- đến những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá là những bài biết của nhà nghiên cứu dân tộc học Nguyễn Nam Tiến(12). Theo ông, địa bàn quần c- của ng-òì Cao Lan - Sán Chí khi còn ở Trung Quốc là ở Khâm Châu, Liêm Châu, Linh Sơn, Lôi Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, Th-ờng T- , Ninh Minh thuộc tỉnh Quảng Tây. Hầu hết các gia phả và sách cúng h-ơng hoá, tổ tiên ng-òì Cao Lan - Sán Chí đều nói tới khu vực Bạch Vân Sơn và

Thập Vạn Sơn, địa điểm c- trú cuối cùng trên đất Trung Quốc tr- ớc khi vào Việt Nam. Họ vào Việt Nam ở đoạn từ Lạng Sơn đến Móng Cái, sau đó chuyển sang các tỉnh Hà Bắc, Bắc Thái, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Yên Bái. Theo gia phả của họ Ninh ở Đại Dục Động, Tiên Yên, Quảng Ninh thì họ đến Việt Nam năm Cảnh H- ng thứ nhất tức năm 1743. Tr- ớc khi đến địa điểm nh- hiện đang c- trú, tổ tiên họ đã từng qua một số vùng khác nh- Trúc Bài Sơn, Linh Sơn, mỗi nơi ở đó ít nhất cũng khoảng hai, ba đời. Mà tổ của họ này vẫn th- ờng nhắc đến ở vùng đó khi cúng bái. Nh- vậy, rất có thể họ đến Việt Nam tr- ớc năm Cảnh H- ng I bốn, năm đời, tức một thế kỷ. Theo ông Hoàng Ứng (Quảng Ninh) thì dòng họ của ông có mặt ở Việt Nam khoảng 15 – 16 đời. Nh- vậy, ng- ời Cao Lan, Sán Chỉ đến Việt Nam khoảng cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17.

Trong một bài báo khác, tác giả Nguyễn Nam Tiến còn đ- a những nét t- ơng đồng của hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ, đó là:

Về nông nghiệp, họ đều làm ruộng và làm rẫy, nh- ng Cao Lan làm ruộng n- ớc sớm hơn và kỹ thuật tốt hơn. Hôm tra lúa đầu tiên các nghi thức tiến hành của hai nhóm đều giống nhau. Làm chòi phơi thóc ngay tại n- ơng cũng nh- cách thức phơi cũng đều giống nhau.

Về nhà cửa, tr- ớc đây đều ở nhà sàn dần chuyển sang nhà đất, đặc điểm chung là mái dốc, chân mái sát sàn nhà, ở chân cột chính có dậu cáng, sau trở thành nơi thờ thần chẵn nuôi của gia đình.

Về y phục đều có những nét t- ơng tự.

Các nghi lễ trong c- ới xin, sinh đẻ, ma chay cũng đều có những nét giống nhau (tác giả liệt kê nhiều điểm khá chi tiết).

Trong thờ cúng, có lập bàn thờ ma bố mẹ vợ và chỉ thờ một đời; khi ngồi quanh bếp lửa nêu bố chồng và con dâu ngồi cạnh nhau thì nhất thiết phải có một vật gì đó ngăn cách giữa hai ng- ời.

Có cùng loại hát ví, Cao Lan gọi là "sinh ca", Sán Chỉ gọi là "Sọng cộ", đều là tình ca.

Họ đều có tên tự gọi là Sán Chấy, Sán Chối, Sơn Tử bên cạnh tên tự gọi là Hồn Bạ (ng- ời ở bản).

Các dòng họ của cả hai nhóm phần đông là Trần, Hoàng, La, Lý, Ninh. Họ Mễ ng- ời Cao Lan ở Yên Định, Sơn Động, Bắc Giang có chung ông tổ 5- 6 đời với họ Mễ ng- ời Sán Chỉ ở Ba Chẽ, Quảng Ninh và họ Mễ ng- ời Sán Chỉ ở Lệ Viễn, cùng huyện Sơn Động. Năm 1970 có ng- ời Cao Lan ở Tuyên Quang sang nhận họ với cụ Tr- ơng Văn Bằng, ng- ời Sán Chỉ ở xã Phấn Mễ, Phú L- ơng, Bắc Thái. Họ Lã ở xóm Đồng Gianh, xã Yên Ninh, huyện Phú L- ơng nhận ra có cùng nguồn gốc với ng- ời Cao Lan ở một địa ph- ơng thuộc tỉnh Tuyên Quang trong một dịp tình cờ xin nghỉ qua đêm .v.v.

Bên cạnh đó tác giả còn dẫn chứng những t- liệu liên quan đến địa danh, về cách đặt tên nơi c- trú của hai nhóm ng- ời này từ khi còn ở Trung Quốc cũng nh- các địa ph- ơng ở Việt Nam, trong đó đặc biệt l- u ý đến từ *bản* và các tiền từ nh- *nà, nác, cóc, nậm*, v.v... (Thông báo Dân tộc học, số 1, 1973).

Qua các t- liệu đ- ọc trình bày trong các bài viết của mình tác giả Nguyễn Nam Tiến cho thấy, Cao lan và Sán Chỉ là một dân tộc đã c- trú lâu đời cùng các dân tộc trong khối Tày - Thái hoặc trên những địa điểm mà tr- ớc kia có thể có các dân tộc này c- trú.

2. Về thành phần tộc ngữ- ời của hai nhóm Cao Lan và Sán Chí

Để phục vụ cho công tác xác định thành phần dân tộc ở miền Bắc nước ta vào những năm cuối thập niên 60 đầu 70 thế kỷ tr- ớc, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam trực tiếp là các Viện nghiên cứu khoa học ở Hà Nội kết hợp với Ủy ban dân tộc Trung - ơng và các tỉnh miền núi phía Bắc tổ chức một số cuộc Hội nghị, hội thảo khoa học, trong đó bàn đến thành phần dân tộc của hai nhóm ng- ời này nh- Hội nghị ở Thái Nguyên năm 1973, Hội nghị ở Hà Nội tháng 6 và tháng 11 năm 1973 vv... □ các Hội nghị, Hội thảo trên, vấn đề thành phần dân tộc của hai nhóm Cao Lan và Sán Chí vẫn là một trong những vấn đề ch- a có đ- ợc sự nhất trí cao. Các ý kiến khác nhau thể hiện ngay trong các bài tham luận của các nhà khoa học cũng nh- giữa các địa ph- ơng với nhau, giữa các nhà nghiên cứu và những ng- ời làm công tác quản lý về vấn đề dân tộc. Mặc dù sau khi có quyết định của Nhà n- ớc, công nhận danh mục 54 dân tộc ở Việt Nam, vẫn có nhà khoa học đề nghị cần xem xét lại tr- ờng hợp này.

Thực hiện chủ tr- ơng của Nhà n- ớc về xác định thành phần của một số dân tộc ở n- ớc ta, vào những năm đầu thế kỷ 21, Viện Dân tộc học và Viện Ngôn ngữ học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam) đã phối hợp tổ chức một số cuộc Hội thảo khoa học tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh để xin ý kiến các nhà khoa học về tiêu chí xác định dân tộc.

Qua các cuộc Hội thảo trên, hầu hết các ý kiến vẫn đều thống nhất với ba tiêu chí đã đ- ợc sử dụng để dùng trong xác định

thành phần dân tộc trong tình hình hiện tại, đó là: ngôn ngữ, những đặc điểm văn hoá và ý thức tự giác dân tộc.

Viện Dân tộc học đã tổ chức một số đợt nghiên cứu thực tế tại các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên và Tuyên Quang. Về ph- ơng diện ngôn ngữ, sau đây sẽ có báo cáo của đại diện Viện Ngôn ngữ học đi sâu vào nguồn gốc và hiện trạng ngôn ngữ của hai nhóm ng- ời này. Còn qua điều tra của chúng tôi, với bảng 150 từ cơ bản, vì là ng- ời Cao Lan có tiếng nói thuộc ngôn ngữ Tày - Thái và ng- ời Sán Chí có tiếng nói gần với ngôn ngữ Hán Quảng Đông nên số từ hoàn toàn giống nhau rất ít. Trong số 150 từ đ- ợc điều tra chỉ có 6 từ là hoàn toàn giống nhau, chẳng hạn: ba là *slam*, chín là *cau*, canh là *thang*, hoa là *va*, con gà là *cay*, cháu là *lan*. Cũng có 6 từ là biến âm chút ít, nh- bốn là *sláy*, *slợi* hoặc *slây*; sáu là *lạc*, *luac* hoặc *lộc*; tám là *pát* hoặc *pét*, *pẹt*; cái cuốc là *khoắc*, *khục* hoặc *khúc*; con ngựa là *mả*, *mơ*, *mớ*, *mờ*, *mợ*; chát là *sấp* hoặc *slấp*.

Nhìn vào kết quả của bảng hỏi về ngôn ngữ giữa hai nhóm ở các địa ph- ơng khác nhau cho thấy tiếng Cao Lan ở Tuyên Quang cũng nh- ở Lục Ngạn, Sơn Động, Bắc Giang có một số từ gần với tiếng Sán Chí ở Phú L- ơng, Thái Nguyên hơn là so với nhóm Sán Chí ở Kiên Lao, Lục Ngạn, Bắc Giang; hoặc giữa các nhóm Sán Chí với nhau thì các từ của nhóm ở Yên Ninh, Phú L- ơng, Thái Nguyên gần với nhóm ở Lệ Viễn, Sơn Động, Bắc Giang hơn là với nhóm ở Kiên Lao, Lục Ngạn. Trong các sách cúng, bài cúng và bài hát bằng tiếng Sán Chí hiện vẫn đ- ợc ng- ời Cao Lan sử dụng nh- ng số ng- ời thông thạo nghĩa của nó không nhiều.

Về những đặc điểm văn hoá, cũng như các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi thấy giữa Cao Lan và Sán Chí có nhiều nét tương đồng, tuy nhiên văn hoá là một khái niệm có nội dung rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, nên khó có thể tìm thấy sự thống nhất về mọi lĩnh vực ở tất cả các nhóm và các địa phương. Chẳng hạn trước kia, cũng như nhiều dân tộc khác, hai nhóm người này đều ở nhà sàn, nhưng hiện nay vẫn ở nhà sàn chỉ thấy nhiều hơn ở người Cao Lan nhất là vùng Yên Sơn, Sơn Dương, Tuyên Quang và một số ở Thái Nguyên; Có không ít gia đình có nhà xây kiên cố mái bằng nhưng vẫn có ngôi nhà sàn ở bên cạnh mà phần lớn sinh hoạt của gia đình vẫn diễn ra ở đó. Còn phần lớn ở các nơi khác nhất là vùng Bắc Giang, cả Cao Lan cũng như Sán Chí hầu hết đã chuyển xuống ở nhà đất (nhà trệt).

Về trang phục, nếu như ở các nơi khác, phần lớn bộ y phục nữ mặc thường ngày là màu chàm, màu xanh thì ở nhóm Cao Lan Tuyên Quang vẫn là những chiếc áo dài màu nâu vạt chéo có đắp miếng vải đen trước ngực.

Về tên họ, qua thống kê của chúng tôi (có thể chưa đầy đủ) cho thấy có một số tên họ có cả ở Cao Lan và Sán Chí, đó là các họ: Dương, Đặng, Đàm, Hoàng, La, Lâm, Lục, Lý, Mông, Mễ, Ninh, Trương, Trần; có họ chỉ thấy có ở người Sán Chí mà không thấy ở người Cao Lan nơi chúng tôi điều tra như các họ: Đàng, Đông, Lê; ngược lại có những họ chỉ thấy có ở nhóm Cao Lan mà không thấy có ở nhóm Sán Chí như các họ: Âu, Ban, Bàn, Chu, Chung, Tô, Tống, Văn, v.v. Trong khi đó, trong một dòng họ có cả ở người Cao Lan và người Sán Chí, có nghĩa là có quan hệ máu mủ với nhau. Về một số phong

tục, tập quán, kể cả trong các nghi lễ gia đình và thôn bản, đại thể có những nét tương đồng, nhưng cũng có những khác biệt trong tiểu tiết, chẳng hạn theo ông Lâm Quốc ấn người Sán Chí ở Lục Ngạn thì thanh niên Sán Chí đến tuổi trưởng thành vào dịp tết nguyên đán tổ chức hát đối danh (sóng họ may) không có lễ lạy cúng bái gì, chỉ thanh niên hát với nhau theo kiểu ngâm thơ. Qua đó, họ được dân làng và xã hội công nhận là người lớn. Tục lệ này theo ông, ở người Cao Lan không có.

Về các nghi lễ trong gia đình mỗi địa phương, mỗi nhóm người đều có những đặc điểm riêng, thậm chí giữa các dòng họ trong nhóm (Cao Lan hoặc Sán Chí) cũng có những nghi thức, các thánh lễ thờ cúng và tranh thờ khác nhau.

Đối với người Sán Chí lại có hai nhóm là Sán Chí Hạ hay Sán Chí Hà tức Sán Chí vùng cỏ gianh, còn nhóm kia, chẳng hạn ở Sơn Động gọi là Sán Chí Mộc, tức Sán Chí ở vùng sâu, vùng cao hơn. Theo ông Trần, tiếng nói của nhóm này nhẹ hơn, gần với Cao Lan hơn. Họ còn được gọi là Cao Lan Sán Chay.

Về những đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của hai nhóm Cao Lan, Sán Chí chúng tôi đã trình bày tương đối kỹ trong cuốn "Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam" xuất bản năm 2002(13).

Về tiêu chí thứ ba, là ý thức tự giác dân tộc. Đây là vấn đề khá phức tạp, trong giới nghiên cứu cũng có những ý kiến khác nhau, số thì cho đó là một dân tộc, số khác lại đề nghị tách ra thành hai dân tộc như trước Tổng điều tra dân số năm 1979. Đối với cán bộ ở các địa phương nhất là số cán bộ là người của hai nhóm tộc người này, phần lớn muốn mỗi nhóm là một dân tộc

riêng. Trong số 20 cán bộ là ng-ời Cao Lan và Sán Chí đ-ợc chúng tôi phỏng vấn, chỉ có 2 ng-ời cho rằng xếp Cao Lan, Sán Chí vào một dân tộc là đúng. Còn đối với ng-ời dân khi đ-ợc chúng tôi hỏi về thành phần dân tộc của họ, ng-ời Cao Lan vẫn nhận là Cao Lan, và ng-ời Sán Chí vẫn nhận là Sán Chí. Khi hỏi về quyết định nhập hai nhóm thành một dân tộc, số ng-ời không đồng ý vẫn nhiều hơn, một số khác đồng ý xếp làm một dân tộc và còn một số ít cho rằng thế nào cũng đ-ợc.

Ý kiến của chúng tôi, những ng-ời hiện nay nghiên cứu về hai nhóm Cao Lan và Sán Chí ở Viện Dân tộc học cho rằng **việc xếp họ thành hai dân tộc riêng thuộc hai nhóm ngôn ngữ khác nhau có lẽ chỉ còn là vấn đề thời gian**. (Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam tr.67).

Vậy hy vọng qua trao đổi, thảo luận của các đại biểu ở Hội nghị này sẽ là cứ liệu cực kỳ quan trọng giúp chúng tôi có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn để sớm có văn bản chính thức trình lên cấp có thẩm quyền xem xét và quyết định.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điềm phiên dịch và chú thích, Nxb Sử học, H. 1962, tr.393.
2. *Đại Nam nhất thống chí*, tập I, IV, Nxb Thuận Hoá, 1997, tr.15, 163, 298, 299.
3. Trúc Bình dịch, 1972, kí hiệu 1058, Th- viện Viện Dân tộc học.
4. A. Bonifacy, *Monographie des Man Cao Lan*, Revue Indochinoise N° 13-15/7/1905, P.899-928.
5. L.Tharaud, *Les provinees du Tonkin H- ng Hoá*, Revue Indochinoise 15/8/1904, P. 175.
6. Bùi Đình, *Tìm hiểu đồng bào miền núi Việt Nam*, Hà Nội, 1950
7. Nguyễn Trác Dĩ, *Đồng bào sắc tộc ở Việt Nam*, 1972.
8. Lã Văn Lô, *Tìm hiểu về nguồn gốc lịch sử của ng-ời Cao Lan*, Nghiên cứu lịch sử số 55, 1963.
- Lê Văn, Tạp chí Dân tộc số 41, 1963.
9. Chu Quang Trứ, *Trở lại vấn đề nguồn gốc lịch sử ng-ời Cao Lan*, Tạp chí Dân tộc, số 45, 1964.
10. Đặng Nghiêm Vạn, *Đại c-ơng về các nhóm dân tộc thuộc ngôn ngữ Tày -Thái ở Việt Nam tr-ớc cách mạng tháng Tám*, Thông báo khoa học của tr-ờng Đại học Tổng hợp, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1966. tr 83-92.
11. *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*, 1973.
12. Nguyễn Nam Tiến, *Về mối quan hệ tộc ng-ời giữa hai nhóm Cao Lan và Sán Chí*, Thông báo Dân tộc học, số1/1972, tr 59-75.
- Nguyễn Nam Tiến, *Về nguồn gốc và quá trình di c- của ng-ời Cao Lan - Sán Chí*, Thông báo Dân tộc học, số 1/1973, tr 41-57.
- Nguyễn Nam Tiến, *Lại bàn về mối quan hệ giữa hai nhóm Cao Lan - Sán Chí*, trong cuốn "Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam" Nxb KHXH, Hà Nội, 1975, tr. 274-286.
- Nguyễn Nam Tiến, *Dân tộc Cao Lan - Sán Chí*, trong cuốn "Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam" (các tỉnh phía Bắc), Nxb KHXH. Hà Nội, 1978, tr. 219-233.
13. Khổng Diễn (chủ biên), *Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.